BẢNG CHÀO GIÁ THỦY TINH THỂ ĐẶC BIỆT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỦY TINH THỂ 3 TIÊU CỰ** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **TÊN** | **TÍNH NĂNG KỸ THUẬT** | **Phân nhóm TTBYT** | **Tên thương mại** | **Đặc tính kỹ thuật** | **Hãng sản xuất** | **Hãng chủ sở hữu** | **Nước sản xuất** | **Phân nhóm** | **Đơn giá** | **Giá kê khai** | **Giá trúng thầu trong vòng 90 ngày** | **Mã số kê khai** | **Mã hãng sản xuất VTYT dung chung phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế** | **Số đăng ký lưu hành** |
| 1 | Thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, nhiễu xạ, phi cầu, ngậm nước | Loại: thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, nhiễu xạ, phi cầu, ngậm nước  Quang học: ba tiêu (trifocal), nhiễu xạ (diffractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic ngậm nước (hoặc acrylic ngậm nước 25 % với lớp acrylic kỵ nước phủ bề mặt)  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 6 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +13.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Công suất cộng thêm (Add IOL): trong khoảng +3.0D ÷ +3.50D cho nhìn gần, trong khoảng +1.5D ÷ +2.17D cho nhìn trung gian  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, nhiễu xạ, phi cầu, kỵ nước | Loại: thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, nhiễu xạ, phi cầu, kỵ nước  Quang học: ba tiêu (trifocal), nhiễu xạ (diffractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic kỵ nước  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 6 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +13.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Công suất cộng thêm (Add IOL): trong khoảng +3.0D ÷ +3.50D cho nhìn gần, trong khoảng +1.5D ÷ +2.17D cho nhìn trung gian  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, khúc xạ, phi cầu, ngậm nước | Loại: thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, khúc xạ, phi cầu, ngậm nước  Quang học: ba tiêu (trifocal), khúc xạ (refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic ngậm nước (hoặc acrylic ngậm nước 25 % với lớp acrylic kỵ nước phủ bề mặt)  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 6 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +13.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Công suất cộng thêm (Add IOL): trong khoảng +3.0D ÷ +3.50D cho nhìn gần, trong khoảng +1.5D ÷ +2.17D cho nhìn trung gian  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, khúc xạ, phi cầu, kỵ nước | Loại: thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, khúc xạ, phi cầu, kỵ nước  Quang học: ba tiêu (trifocal), khúc xạ (refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic kỵ nước  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 6 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +13.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Công suất cộng thêm (Add IOL): trong khoảng +3.0D ÷ +3.50D cho nhìn gần, trong khoảng +1.5D ÷ +2.17D cho nhìn trung gian  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, khúc xạ-nhiễu xạ, phi cầu, ngậm nước | Loại: thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, nhiễu xạ-khúc xạ, phi cầu, ngậm nước  Quang học: ba tiêu (trifocal), nhiễu xạ-khúc xạ (diffractive-refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic ngậm nước (hoặc acrylic ngậm nước 25 % với lớp acrylic kỵ nước phủ bề mặt)  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 6 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +13.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Công suất cộng thêm (Add IOL): trong khoảng +3.0D ÷ +3.50D cho nhìn gần, trong khoảng +1.5D ÷ +2.17D cho nhìn trung gian  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, khúc xạ-nhiễu xạ, phi cầu, kỵ nước | Loại: thủy tinh thể một mảnh, ba tiêu cự, nhiễu xạ-khúc xạ, phi cầu, ngậm nước  Quang học: ba tiêu (trifocal), nhiễu xạ-khúc xạ (diffractive-refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic kỵ nước  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 6 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +13.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Công suất cộng thêm (Add IOL): trong khoảng +3.0D ÷ +3.50D cho nhìn gần, trong khoảng +1.5D ÷ +2.17D cho nhìn trung gian  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **THỦY TINH THỂ EDOF** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), nhiễu xạ (Diffractive), phi cầu, ngậm nước | Loại: Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), nhiễu xạ (Diffractive), phi cầu, ngậm nước  Quang học: kéo dài tiêu cự (EDOF), nhiễu xạ (diffractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic ngậm nước (hoặc acrylic ngậm nước 25 % với lớp acrylic kỵ nước phủ bề mặt)  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 5.75 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +10.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), nhiễu xạ (Diffractive), phi cầu, kỵ nước | Loại: Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), nhiễu xạ (Diffractive), phi cầu, kỵ nước  Quang học: kéo dài tiêu cự (EDOF), nhiễu xạ (diffractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic kỵ nước  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 5.75 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +10.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khúc xạ (Refractive), phi cầu, ngậm nước | Loại: Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khúc xạ (Refractive), phi cầu, ngậm nước  Quang học: kéo dài tiêu cự (EDOF), khúc xạ (refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic ngậm nước (hoặc acrylic ngậm nước 25 % với lớp acrylic kỵ nước phủ bề mặt)  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 5.75 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +10.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khúc xạ (Refractive), phi cầu, kỵ nước | Loại: Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khúc xạ (Refractive), phi cầu, kỵ nước  Quang học: kéo dài tiêu cự (EDOF), khúc xạ (refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic kỵ nước  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 5.75 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +10.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khác (Non-Diffractive, Non-Refractive), phi cầu, ngậm nước | Loại: Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khác (Non-Diffractive, Non-Refractive), phi cầu, ngậm nước  Quang học: kéo dài tiêu cự (EDOF), khác (Non-Diffractive, Non-Refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic ngậm nước (hoặc acrylic ngậm nước 25 % với lớp acrylic kỵ nước phủ bề mặt)  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 5.75 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +10.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khác (Non-Diffractive, Non-Refractive), phi cầu, kỵ nước | Loại: Thủy tinh thể một mảnh, kéo dài tiêu cự (EDOF), khác (Non-Diffractive, Non-Refractive), phi cầu, kỵ nước  Quang học: kéo dài tiêu cự (EDOF), khác (Non-Diffractive, Non-Refractive), phi cầu  Asphericity: ≥ −0.27 μm  Chất liệu: acrylic kỵ nước  Lọc: UV  Đường kính tổng: trong khoảng 10.75 mm ÷ 13.0 mm  Đường kính optic: trong khoảng 5.75 mm ÷ 6.15 mm  Góc haptic: không yêu cầu  Kiểu haptic: không yêu cầu  Vị trí đặt: trong bao  Đảm bảo dãi công suất: +10.0D đến + 30.0D (bước 0.5D)  Kích thước vết mổ: trong khoảng 1.8m ÷ 2.8 mm  Bộ đặt: lắp sẵn hoặc không lắp sẵn | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Báo giá có hiệu lực đến hết ngày 30/5/2023 | Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm  Đại diện hợp pháp của công ty |